

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 1557 /UBND-TH

V/v đề nghị cho tiếp tục
giao hết số vốn còn lại tại
Quyết định số 1871/QĐ-
BKHĐT ngày 23/12/2016
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tại Công văn số 586/UBND-TH ngày 22/01/2016, UBND tỉnh Đắk Lắk đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về nhu cầu vốn cho 164 dự án, dư nợ vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của tỉnh Đắk Lắk tính đến 31/12/2015 là 379.491 triệu đồng, trong đó: 86 dự án kiên cố hóa kênh mương, dư nợ 173.891 triệu đồng; 74 dự án giao thông nông thôn, dư nợ 177.016 triệu đồng; 04 dự án cơ sở làng nghề và nuôi trồng thủy sản, dư nợ 4.584 triệu đồng; một số dự án khác bổ sung ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột: 24.000 triệu đồng. Đến ngày 23/12/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 1871/QĐ-BKHĐT về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn cho tỉnh Đắk Lắk (thời gian từ khi đề xuất đến khi giao kế hoạch vốn là 11 tháng). Trong thời gian đợi Trung ương phân bổ kế hoạch vốn tín dụng năm 2016 và kịp thời thanh toán cho các công trình đã có khối lượng hoàn thành, UBND tỉnh đã sử dụng 57.225 triệu đồng để bố trí cho 11/37 dự án kiên cố hóa kênh mương, với số tiền là: 31.325 triệu đồng và 07/18 dự án giao thông nông thôn, với số tiền là: 25.900 triệu đồng (thuộc danh mục dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 1871/QĐ-BKHĐT).

Vì vậy, sau khi rà soát, UBND tỉnh đã giao 120.626 triệu đồng/173.664 triệu đồng cho các danh mục dự án tại Quyết định số 1871/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Số còn lại 53.038 triệu đồng, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, đồng ý cho tỉnh tiếp tục được giao hết số vốn trên cho một số công trình trong danh mục Công văn số 586/UBND-TH ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk nhưng không được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao vốn tại Quyết định số 1871/QĐ-BKHĐT ngày 23/12/2016 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết./

Nơi nhận: *S*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-18)



Phạm Ngọc Nghị





PHỤ LỤC A

DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ TIẾP TỤC TRÍ BẰNG NGUỒN VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI NĂM 2016 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1871/QĐ-BKHĐT, NGÀY 23/12/2016 CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Ban hành kèm theo Công văn số 1587/UBND-TH ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí vốn đến kế hoạch năm 2017		Số vốn còn thiếu sau KH 2017			KH vốn năm 2016, giao năm 2017	QT, HT, CT	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Ngân sách khác	Ngân sách tỉnh		Ngân sách khác					
Tổng cộng					291.824	238.905	52.919	193.872	149.958	43.914	97.952	88.947	9.005	53.038		
I	Kiên cố hóa kênh mương				31.664	31.664	-	12.500	12.500	-	19.164	19.164	-	11.806	-	
	Dự án nhóm C				31.664	31.664	-	12.500	12.500	-	19.164	19.164	-	11.806	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa đập Rọ Đá	Cư M'gar	UBND H. Cư M'gar	678/QĐ-UBND, 25/8/2016	11.220	11.220		6.500	6.500	-	4.720	4.720	-	3.000	CT	Đã điều chỉnh lại TMDT theo QĐ
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ea Tun, xã Ea Sol	Ea H'leo	UBND H. Ea H'leo	3515/QĐ-UBND, 21/12/2015; 1182/QĐ-UBND, 19/4/2016; 445/QĐ-UBND, 09/11/2016	4.007	4.007		2.500	2.500	-	1.507	1.507	-	1.507	QT	QT tại QĐ số 4455/QĐ-UBND, 09/11/2016, giá trị 4.007 triệu
3	Hệ thống kênh tưới công trình thủy lợi Buôn Jol	Lắk	UBND H. Lắk	1387/QĐ-UBND, 09/9/2010; 1511/QĐ-UBND, 15/7/2016	6.501	6.501		500	500		6.001	6.001		3.700	CT	Sửa lại tên cho phù hợp
4	Thủy lợi Hlô Tây Nhông	Lắk	UBND H. Lắk	1512/QĐ-UBND, 15/7/2016	9.936	9.936		3.000	3.000		6.936	6.936		3.599	CT	
II	Đường giao thông nông thôn				260.160	207.241	52.919	181.372	137.458	43.914	78.788	69.783	9.005	41.232		
	Dự án nhóm C				260.160	207.241	52.919	181.372	137.458	43.914	78.788	69.783	9.005	41.232		
1	Đường GT từ trung tâm xã Cư Bông đi thôn 17, huyện Ea Kar	Ea Kar	UBND H. Ea Kar	781/QĐ-SKHĐT, 25/12/2009; 229/QĐ-KHĐT 26/10/2011; 9036/UBND-TH, 11/11/2016	13.365	13.365		6.474	6.474		6.891	6.891		4.871	CT	QT khối lượng dừng. Tiếp tục cho thi công nhưng không tăng TMDT tại Công văn số 9036/UBND-TH, 11/11/2016
2	Đường từ xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin đi xã Ea Kao, TP. BMT (giai đoạn 1, giai đoạn 2)	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	631/QĐ-KHĐT 30/10/2009; 89/QĐ-STC, 04/4/2016	20.215	18.714	1.501	9.600	9.600	-	10.615	9.114	1.501	5.000	CT	Giai đoạn 1 đã Quyết toán tại QĐ số 89/QĐ-STC, 04/4/2016 của Sở Tài chính; Giai đoạn 2 đang chuyển tiếp
3	Đường giao thông từ trung tâm xã Ea Tiêu vào buôn Hluk và buôn Êbung, xã Ea Tiêu (gói 1, gói 2)	Cư Kuin	UBND H. Cư Kuin	1404/QĐ-UBND 20/5/2013	9.839	8.562	1.277	6.000	6.000	-	3.839	2.562	1.277	2.000	HT	Gói 1 QT; Quyết toán tại QĐ số 2201/QĐ-UBND, 30/6/2016 của UBND huyện
4	Đường GT từ buôn Ayun, xã Cư Pong đến Buôn xóm A xã Ea Sin	Kr. Búk	UBND H. Kr. Búk	1927/QĐ-UBND, 24/7/2015	13.096	13.096		11.680	11.680	-	1.416	1.416	-	1.416	QT	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		KH vốn năm 2016, năm 2017	QT, HT, CT	Ghi chú	
					Nguồn sách khác	Nguồn vốn	Nguồn sách khác	Nguồn vốn							
5	Cầu km8+830 - đường Ea Pli - Cư Trảo	MĐrăk	UBND H. Kr. Băk	1454/QĐ-UBND, 13/6/2011	15.800	15.800	15.800	15.800	15.800	-	2.721	2.721	HT		
6	Dường giao thông từ buôn Cư Hiem, xã Cư Pong đến thôn 1, xã Ea Ngai	Kr. Băk	UBND H. Kr. Băk	1144/QĐ-UBND, 14/05/2010	18.823	17.162	1.661	8.422	8.422	-	10.401	8.740	1.661	CT	
7	Cầu qua suối Ea Rôk, xã Cư Kbang	Ea Súp	UBND H. Ea Súp	446/QĐ-KHĐT, 19/8/2008, 09/QĐ-SKHĐT 17/01/2014, 231/QĐ-STC, 04/8/2016	6.150	6.150	6.150	3.100	3.100	3.050	3.050	-	QT	Quyết toán tại QT số 231/QĐ-STC, 04/8/2016	
8	Dường GT khu vực trung tâm xã Yang Trao	Lăk	UBND H. Lăk	359/QĐ-UBND, 9/11/2010	10.163	10.163	6.400	6.400	6.400	-	3.763	3.763	-	CT	1.700
9	Dường GT đoạn tuyến từ ngã 3 Quốc lộ 27 đến Buôn Côt, xã Ea Tiếu, huyện Cư Kuint	Cư Kuint	UBND H. Cư Kuint	2483/QĐ-UBND, 15/7/2016	7.651	7.651	7.651	7.651	7.651	-	-	-	QT	Đã quyết toán tại QĐ số 2483/QĐ-UBND, 13/7/2016, Đã vốn 2017	
10	Dường GT hiện huyện Ea Kar đi MĐrăk	Ea Kar	UBND H. Ea Kar	3259/QĐ-UBND, 16/12/2010	62.272	28.480	33.792	54.793	21.001	33.792	7.479	7.479	-	CT	2.500
11	Cầu Vụ Bôn, huyện Krông Pắc	Kr. Pắc	Sở GTVT	71/QĐ-KHĐT, 20/4/2011, 3317/QĐ-UBND, 07/11/2016	17.119	14.000	-	14.000	14.000	-	3.119	3.119	-	CT	1.783
															Còn lại như chủ 1.988 triệu đồng
12	Cầu thôn 5, xã Krông A	MĐrăk	UBND H. MĐrăk	4594/QĐ-UBND, 3/4/2012	8.025	7.296	729	5.530	5.530	2.495	1.766	729	800	CT	800
13	Cầu Buôn Du Mah, xã Đắk Phoi	Lăk	UBND H. Lăk	587/QĐ-UBND, 16/10/2009	10.078	9.162	916	6.200	6.200	3.878	2.962	916	1.500	CT	1.500
14	Dường GT nông thôn, xã Bằng Adrenh, huyện Kr. Ana	Kr. Ana	UBND H. Kr. Ana	2227/QĐ-UBND, 24/9/2012, 1586/QĐ-UBND, 01/6/2016	7.853	7.853	2.750	2.750	2.750	-	5.103	5.103	-	CT	2.700
															Điều chỉnh lại TMDT tại QĐ số 1586/QĐ-UBND, 01/6/2016 của UBND huyện Krông Ana
15	Dường giao thông từ Km 39+400m QL 27 đến đập thủy lợi Đăk Năk	Lăk	UBND H. Lăk	967/QĐ-UBND, 27/3/2015	9.160	6.900	-	6.900	6.900	-	2.260	2.260	QT	Đã QT công trình tại QĐ số 1317/QĐ-UBND, 22/6/2016	
16	Sửa chữa Đường giao thông nội vùng Buôn Diêu	Lăk	UBND H. Lăk	1148/QĐ-UBND, 26/5/2016	6.784	6.784	900	900	900	-	5.884	5.884	-	CT	3.000
17	Cầu hiện thôn Lộc Thuận - Lộc Hải, xã Phú Lộc	Kr. Nang	UBND H. Kr. Nang	269/QĐ-UBND, 22/02/2011, 2583/QĐ-UBND, 18/8/2011	4.981	4.839	142	3.317	3.317	-	1.664	1.522	142	CT	1.000
18	Cầu vào xã Ea Siên	B. Hô	UBND TX. Buôn Hô	3373/QĐ-KHĐT, 23/12/2010, 77/QĐ-UBND, 07/01/2016	13.286	3.164	10.122	11.855	1.733	10.122	1.431	1.431	-	QT	1.431
															QĐ số 77/QĐ-UBND, ngày 07/01/2016 V/V phê duyệt quyết toán, huyện bao còn như 1.431